

Số: 01/2020/QĐPT-DS

Ngày: 14 - 7 - 2020

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Thư ký phiên họp: Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2020/TLPT-DSPT ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.

Do Quyết định số 07/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 80/2020/QĐPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1970; địa chỉ Chung cư H, phường C, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1968; địa chỉ số nhà 8 đường Q, thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Bình Định.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ số 1 đường H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Đình Th, sinh năm 1972; địa chỉ khu phố 4, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1974; địa chỉ T, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

6. Ông Nguyễn Đình Ti, sinh năm 1978; địa chỉ đường K, phường C, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

7. Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1990; địa chỉ số nhà 52 đường D, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1979; địa chỉ số nhà 5A đường H, phường A, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H, ông Th, bà Th, ông Ti, chị V, bà Thu là ông Nguyễn Đình T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Kim Th: Luật sư Ngô Q – Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định; địa chỉ đường Th, phường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1946.

2. Bà Ngô Thị Kim H, sinh năm 1948 (vắng mặt).

Đồng địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Bình Định.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Nguyễn Đình H (Văn bản ủy quyền ngày 31/7/2017).

3. Ngân hàng TMCP Việt Nam V; địa chỉ Sài Gòn, đường Đ, phường N, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 31/2018/AMC-PN ngày 18/5/2018); địa chỉ số 6 đường Th, phường 4, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công ty TNHH xây dựng và phát triển hạ tầng H; địa chỉ số 70 đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1946, chức vụ: Giám đốc Công ty.

- *Người kháng cáo:*

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Đình T; Ông Nguyễn Đ; Nguyễn Thị H; Nguyễn Thị Kim Th; Nguyễn Đình Ti; Nguyễn Thị Hồng V và Nguyễn Thị M;

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình H; bà Ngô Thị Kim H và Ngân hàng TMCP Việt Nam V.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình Th, bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Nguyễn Đình Ti, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Nguyễn Thị Minh Th yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trong hộ ông Nguyễn Đình H, thống nhất trình bày:

Hộ ông Nguyễn Đình H có một thửa đất thổ cư số thửa 3, tờ bản đồ 01 tại thôn A, xã T, huyện C, được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ ông H tại giấy chứng nhận số vào sổ 2/KA2/QSDD/E11 ngày 15/4/1996 với diện tích 600m² gồm 200m² đất ở, 400m² đất vườn, ngày 16/4/2004 thửa đất này UBND huyện C cấp đổi sổ lần hai cho hộ ông H tại Giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 03A/QSDD/E1, số thửa 3, tờ bản đồ 01, diện tích 749m² trong đó có 239m² đất ở, 510m² đất vườn, thời hạn sử dụng đất vườn đến tháng 6 năm 2014. Thửa đất này Nhà nước cấp cho 06 thành viên trong hộ ông H được quyền sử dụng gồm ông H, ông Th, ông T, bà H, bà Th, bà V.

Trên thửa đất 3 nói trên có một ngôi nhà hai tầng cùng các công trình kiến trúc gắn liền trên đất như tường rào, cổng ngõ là tài sản chung của các thành viên trong hộ ông H gồm ông Đ, ông T, ông Th, ông Ti, bà Th, bà Th và vợ chồng ông H, bà H cùng nhau đóng góp xây dựng vào năm 2004. Trong đó phần ông T, ông Đ, ông T, ông Ti mỗi người đóng góp 30 lượng vàng y; bà Th, bà Th mỗi người đóng góp 10 lượng vàng y, phần vợ chồng ông H, bà H đóng góp 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Nguyễn Đình H được quyền sử dụng thửa đất vườn 6, tờ bản đồ 01, diện tích 1.305m² tại thôn A, xã T, huyện C tại Giấy chứng nhận số vào sổ 5/KA3/QSDD/E ngày 07/7/1999. Thửa đất này Nhà nước cấp cho 08 thành viên trong hộ gồm ông H, ông Th, ông Đ, bà Th, bà H, ông Ti, bà Th, bà V.

Hai thửa đất và ngôi nhà nói trên là tài sản chung của nhiều thành viên nhưng năm 2010 một số thành viên trong hộ ông H đem ký Hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V để làm tài sản bảo đảm trả nợ cho khoản tiền vay của Công ty TNHH xây dựng và phát triển hạ tầng H, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một số thành viên còn lại của hộ. Các tài sản nói trên hiện trong diện là tài sản bị kê biên thi hành án.

Nay những người yêu cầu nói trên yêu cầu Tòa án giải quyết xác định hai thửa đất và ngôi nhà nói trên là tài sản chung của các thành viên như những người yêu cầu đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H, bà Ngô Thị Kim H, thống nhất trình bày:

Năm 1996 UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông H được quyền sử dụng thửa đất 3, tờ bản đồ số 01, diện tích 600m² gồm 200m² đất ở, 400m² đất vườn là cấp cho 06 khẩu gồm ông H, ông Th, ông T, bà H, bà Th, bà V. Vì năm 1992 bà Ngô Thị Kim H đã cắt chuyển khẩu xuống thành phố Q, nên khi Nhà nước giao quyền sử dụng thửa đất này cho hộ ông H không có phần định suất của bà H.

Thửa đất số 6, tờ bản đồ 01, diện tích 1.305m² vườn năm 1999 Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông H là cấp cho 06 khẩu gồm ông H, ông Th, ông T, bà H, bà Th, bà V.

Đối với ngôi nhà hai tầng cùng các công trình kiến trúc gồm tường rào, cổng ngõ được xây dựng trên thửa đất số 3, tờ bản đồ số 01 là tài sản chung của vợ chồng ông H và các con ông H cùng đóng tài sản vào xây dựng năm 2004, các thành viên đóng góp và số lượng tài sản từng thành viên đóng góp để xây dựng ngôi nhà ông thống nhất như lời các con ông đã trình bày. Phần vợ chồng ông H đóng góp 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Tổng giá trị ngôi nhà xây năm 2004 khoảng 1.500.000.000 đồng, trong đó phần vàng các con ông đóng góp quy ra tiền khoảng 1.000.000.000 đồng. Mục đích xây dựng ngôi nhà này để làm nhà từ đường chi phái Nguyễn Đình H. Khi các thành viên đóng góp tài sản để xây dựng nhà, có lập “Biên bản họp gia đình”.

Nay ông H bà H yêu cầu Tòa án xác định hai thửa đất và ngôi nhà nói trên là tài sản chung của các thành viên như ông H bà H đã trình bày.

Ông Nguyễn Văn L là người đại diện cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V, trình bày:

Ngày 30/3/2010 Ngân hàng PBank ký kết hai hợp đồng thế chấp với Công ty TNHH xây dựng và phát triển hạ tầng H, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 01 và thửa đất số 6, tờ bản đồ số 01 được UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Đình H. Việc thế chấp và nhận thế chấp của các bên được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Hiện các tài sản trên đang được Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thi hành theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 1/2015/QĐST-KDTM ngày 30/3/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Q. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ việc để Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tiếp tục thực hiện việc thi hành án theo quy định pháp luật.

Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Định, quyết định:

[1] Công nhận 239m² đất ở thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 01 (được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Đình H) có giá thị trường 717.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Đình H, bà Ngô Thị Kim H; ông H, bà H mỗi người được quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị diện tích đất ở là 358.500.000 đồng.

[2] Công nhận 512,9m² đất vườn thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ 01 (được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Đình H) có giá thị trường là 542.840.538 đồng là tài sản chung của 07 người gồm: Ông H, ông Đ, ông Th, bà Th, bà H, bà V và bà H, mỗi người được quyền sở hữu $\frac{1}{7}$ giá trị của 512,9m² đất vườn là 77.548.648 đồng (Thửa đất 3, tờ bản đồ số 01 theo bản đồ Vlap nay là thửa 4 – TBD5).

[3] Công nhận thửa đất số 6, tờ bản đồ 01, có diện tích thực tế 1.189,6m² (đất vườn), có giá trị theo thị trường 75.896.480 đồng là tài sản chung của 07 người gồm: Ông H, ông T, ông Th, bà Th, bà H, bà V và bà H, mỗi người được quyền sở hữu $\frac{1}{7}$ giá trị của thửa đất là 10.842.354 đồng (Thửa 6 – Theo bản đồ Vlap nay là thửa 4 – TBD5).

[4] Công nhận ngôi nhà hai tầng có diện tích xây dựng 416,5m² cùng tường rào, cổng ngõ được xây dựng trên thửa đất số 3, tờ bản đồ 01 tại thôn A, xã T, huyện C có tổng giá trị 1.124.652.892 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Đình H, bà Ngô Thị Kim H; ông H, bà H mỗi người được quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà là 562.326.446 đồng (Nhà và đất có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra, quyết định sơ thẩm còn quyết định về lệ phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 04 và ngày 05/11/2019 ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đ, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Nguyễn Đình Ti, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Nguyễn Thị Minh Th kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét phân phân chia thửa đất số 3 và thửa đất số 6; phân chia tài sản chung là nhà ở của hộ ông Nguyễn Đình H và quyền lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình.

- Ngày 05/11/2019 ông Nguyễn Đình H và bà Ngô Thị Kim H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét quyền lợi của các con tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công sức đóng góp xây dựng nhà từ đường trên thửa đất.

- Ngày 07/11/2019 Ngân hàng TMCP Việt Nam V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Tại phiên họp người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Kim Th đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu.

Kiểm sát viên tham gia phiên họp phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người yêu cầu; chấp nhận kháng của Ngân hàng TMCP Việt Nam V, hủy Quyết định việc dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến các bên đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Án sơ thẩm xác định việc dân sự để xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản theo yêu cầu của người yêu cầu là không đúng. Bởi lẽ:

[1.1] Theo quy định tại Điều 361 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định: “Việc dân sự là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân không có tranh chấp, nhưng có yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý...”. Tuy nhiên trong vụ việc này các con của ông H bà H là ông T, ông Đ, bà H, ông Th, bà Th, ông Ti, bà V và bà Th yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng các tài sản gồm: Thửa đất thửa đất số 3 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số 3, tờ bản đồ 01, diện tích 749m² (trong đó có 239m² đất ở, 510m² đất vườn) và thửa đất số 6, tờ bản đồ 01, diện tích 1.305m² tại thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Bình Định cùng ngôi nhà trên thửa đất số 3 cho hộ ông Nguyễn Đình H, nhưng có sự tranh chấp của Ngân hàng TMCP Việt Nam V trong việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản nên đây không phải là việc dân sự mà là vụ án dân sự. Do đó, án sơ thẩm xác định việc dân sự để giải quyết là vi phạm thủ tục tố tụng.

[1.2] Mặc khác, những người yêu cầu là ông T, ông Đ, bà H, ông Th, bà Th, ông Ti, bà V và người liên quan ông H bà H đều yêu cầu xác định quyền sử dụng hai thửa đất số 3 và thửa đất số 6 thuộc tờ bản đồ 01 là tài sản chung của 06 thành viên trong hộ của ông H gồm: Ông H, ông Th, ông T, bà H, bà Th, bà V; yêu cầu xác định quyền sở hữu ngôi nhà trên thửa đất số 3, tờ bản đồ số 01 là tài sản thuộc quyền sở hữu của 08 thành viên gồm: Ông H, bà H, ông T, ông Đ, ông Th, ông Ti, bà Th, bà Th. Lẽ ra, án sơ thẩm xem xét có đủ căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn yêu cầu của người yêu cầu, nhưng án sơ thẩm đã xét phân chia 239m² đất ở thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 01 là tài sản chung của ông H và bà H; phần diện tích 512,9m² đất vườn còn lại của thửa đất số 3, thửa đất 6, tờ bản đồ 01 là tài sản chung của 07 người gồm: Ông H, bà

H, ông T, ông Th, bà H, bà Th, bà V; xác định ngôi nhà cùng công trình phụ đã xây dựng trên thửa đất 3, tờ bản đồ số 1 là tài sản chung của ông H và bà H là không đúng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 370 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Như vậy, án sơ thẩm đã vi phạm tố tụng, tại phiên họp Hội đồng phúc thẩm không thể bổ sung được nên Hội đồng phúc thẩm hủy Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Định đã mở phiên họp về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản giữa người yêu cầu: ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình Th, bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Nguyễn Đình Ti, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Nguyễn Thị Minh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H, bà Ngô Thị Kim H, Ngân hàng TMCP Việt Nam V, Công ty TNHH xây dựng và phát triển hạ tầng H và đình chỉ giải quyết việc dân sự số 07/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Định về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.

[3] Chi phí xem xét, đo đạc, định giá tài sản 15.000.000 đồng, buộc ông T, ông Đ, bà H, ông Th, bà Th, ông Ti, bà V, bà Th mỗi người phải chịu 1.875.000 đồng. Ông T đã tạm ứng nộp 15.000.000 đồng nên được khấu trừ. Buộc ông T, bà H, ông Th, bà Th, ông Ti, bà V, bà Th mỗi người phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông T 1.875.000 đồng.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc ông T, ông Đ, bà H, ông Th, bà Th, ông Ti, bà V, bà Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

[5] Về lệ phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đ, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Nguyễn Đình Ti, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Nguyễn Thị Minh Th, ông Nguyễn Đình H và bà Ngô Thị Kim H mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Ngân hàng TMCP Việt Nam V không phải chịu lệ phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm theo biên lai thu số 007259 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Kim Th đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người yêu

cầu; chấp nhận kháng của Ngân hàng TMCP Việt Nam V, hủy Quyết định việc dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết việc dân sự là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đ, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Nguyễn Đình Ti, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Nguyễn Thị Minh Th, ông Nguyễn Đình H và bà Ngô Thị Kim H.

2. Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Việt Nam V.

3. Hủy Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Định đã mở phiên họp về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản giữa người yêu cầu: Ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình Th, bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Nguyễn Đình Ti, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Nguyễn Thị Minh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H, bà Ngô Thị Kim H, Ngân hàng TMCP Việt Nam V, Công ty TNHH xây dựng và phát triển hạ tầng H và đình chỉ giải quyết việc dân sự số 07/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Định về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.

2. Chi phí xem xét, đo đạc, định giá tài sản 15.000.000 đồng, buộc ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình Th, bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Nguyễn Đình Ti, bà Nguyễn Thị Hồng V và bà Nguyễn Thị Minh Th mỗi người phải chịu 1.875.000 đồng. Ông T đã tạm ứng nộp 15.000.000 đồng nên được khấu trừ. Buộc ông T, bà H, ông Th, bà Th, ông Ti, bà V, bà Th mỗi người phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông T 1.875.000 đồng.

3. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình Th, bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Nguyễn Đình Ti, bà Nguyễn Thị Hồng V và bà Nguyễn Thị Minh Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, cụ thể như sau: Ông Nguyễn Đình T tại biên lai thu số 0691 ngày 20/6/2017; ông Nguyễn Đình T tại biên lai thu số 00690 ngày 20/6/2017; bà Nguyễn Thị H tại biên lai thu số 0001684 ngày 20/6/2017; ông Nguyễn Đình Th tại biên lai thu số 00685 ngày 20/6/2017; bà Nguyễn Thị Kim Th tại biên lai thu số 00689 ngày 20/6/2017; bà Nguyễn Thị Hồng V tại biên lai

thu số 00686 ngày 20/6/2017; bà Nguyễn Thị Minh Th tại biên lai thu số 00688 ngày 20/6/2017; ông Nguyễn Đình Ti tại biên lai thu số 00687 ngày 20/6/2017.

4. Về lệ phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đ, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Nguyễn Đình Ti, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Nguyễn Thị Minh Th, ông Nguyễn Đình H và bà Ngô Thị Kim H mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, cụ thể như sau: Ông Nguyễn Đình T tại biên lai thu số 00235 ngày 27/11/2019; ông Nguyễn Đ tại biên lai thu số 00246 ngày 02/12/2019; bà Nguyễn Thị H tại biên lai thu số 00245 ngày 02/12/2019; bà Nguyễn Thị Kim Th tại biên lai thu số 00244 ngày 02/12/2019; bà Nguyễn Thị Hồng V tại biên lai thu số 00243 ngày 02/12/2019; bà Nguyễn Thị Minh Th tại biên lai thu số 00242 ngày 02/12/2019; ông Nguyễn Đình Ti tại biên lai thu số 00241 ngày 02/12/2019; ông Nguyễn Đình H tại biên lai thu số 00236 ngày 29/11/2019; bà Ngô Thị Kim H tại biên lai thu số 00237 ngày 29/11/2019.

Ngân hàng TMCP Việt nam V không phải chịu lệ phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0007259 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm